

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II NĂM 2011**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số : B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2011 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2011 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>180.360.682.609</b>	<b>133.769.336.789</b>
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>16.175.697.686</b>	<b>20.082.077.511</b>
1 - Tiền	111		14.175.697.686	18.082.077.511
2 - Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	-	-
1 - Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III - Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>70.942.556.813</b>	<b>39.987.807.619</b>
1 - Phải thu của khách hàng	131		54.637.163.316	29.633.665.559
2 - Trả trước cho người bán	132		562.978.106	6.445.113.411
3 - Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 - Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 - Các khoản phải thu khác	135		15.838.245.391	4.004.858.649
6 - Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(95.830.000)	(95.830.000)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51.912.970.633</b>	<b>34.530.554.570</b>
1 - Hàng tồn kho	141		51.912.970.633	34.530.554.570
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.329.457.477</b>	<b>39.168.897.089</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.978.160.862	2.579.389.180
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.105.770.493	1.708.673.750
3 - Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		-	-
5 - Tài sản ngắn hạn khác	158		8.245.526.122	34.880.834.159
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.273.757.414.453</b>	<b>1.045.643.859.827</b>
<b>I - Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
2 - Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 - Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.257.931.825.345</b>	<b>1.032.095.491.307</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221		1.257.774.949.814	1.031.966.311.834
- Nguyên giá	222		1.831.695.183.836	1.565.649.919.432
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(574.565.635.114)	(533.683.607.598)
3 - Tài sản cố định vô hình	227		22.691.895	3.676.973
- Nguyên giá	228		146.699.500	116.699.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(124.007.605)	(113.022.527)
4 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		134.183.636	125.502.500
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		5.812.037.477	5.812.037.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(5.812.037.477)	(5.812.037.477)
<b>IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.764.203.520</b>	<b>13.548.368.520</b>
3 - Đầu tư dài hạn khác	258		22.280.507.645	22.172.327.645
4 - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(9.516.304.125)	(8.623.959.125)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.061.385.588</b>	-
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261		3.061.385.588	-
3 - Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CÔNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>1.454.118.097.062</b>	<b>1.179.413.196.616</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2011	NGÀY 01/01/2011
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	4
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>1.120.795.886.132</b>	<b>828.349.391.517</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>429.622.051.931</b>	<b>318.055.026.055</b>
1 - Vay và nợ ngắn hạn	311		262.709.923.930	183.231.842.123
2 - Phải trả người bán	312		94.707.859.251	47.093.869.956
3 - Người mua trả tiền trước	313		286.825.557	12.278.669.589
4 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.443.557.436	9.134.656.586
5 - Phải trả công nhân viên	315		25.346.966.957	27.022.663.233
6 - Chi phí phải trả	316		12.879.146.816	4.807.782.977
7 - Phải trả nội bộ	317		-	-
8 - Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		24.526.785.689	30.255.264.958
10 - Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.250.420.221	4.230.276.633
12 - Doanh thu chưa thực hiện	328		2.470.566.074	-
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>691.173.834.201</b>	<b>510.294.365.462</b>
2 - Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 - Phải trả dài hạn khác	333		-	16.919.450.861
4 - Vay và nợ dài hạn	334		690.564.485.561	492.654.057.561
6 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		609.348.640	720.857.040
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>333.322.210.930</b>	<b>351.063.805.099</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>333.322.210.930</b>	<b>351.063.805.099</b>
1 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
6 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.200.612	-
7 - Quỹ đầu tư phát triển	417		68.294.343.372	64.244.999.415
8 - Quỹ dự phòng tài chính	418		9.706.559.049	7.681.887.070
10 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.316.107.897	79.136.918.614
<b>II - Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>1.454.118.097.062</b>	<b>1.179.413.196.616</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2011	NGÀY 01/01/2011
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1 - Tài sản thuê ngoài				
4 - Nợ khó đòi đã xử lý ( VND)			303.509.700	303.509.700
5 - Ngoại tệ các loại ( USD)			141.664.55	450.925.31

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vương Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 7 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Cao Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

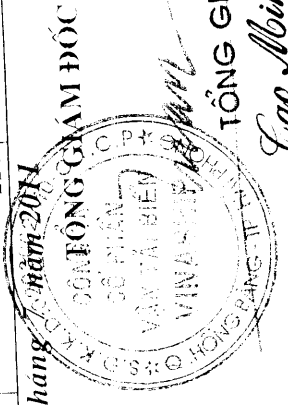
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số : B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ II NĂM 2011**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		Đơn vị tính : đồng
			QUÝ II NĂM 2011	QUÝ II NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2010	
			4	5	6	7	
1	2	3	261.990.419.734	251.309.901.251	496.677.556.919	505.466.944.169	
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-		-		
2- Các khoản giảm trừ	02		-		-		
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		261.990.419.734	251.309.901.251	496.677.556.919	505.466.944.169	
4 - Giá vốn hàng bán	11		226.079.614.623	215.612.750.317	425.323.738.237	428.366.024.349	
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		35.910.805.111	35.697.150.934	71.353.818.682	77.100.919.820	
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21		992.463.758	462.019.284	3.927.329.792	1.035.928.730	
7 - Chi phí tài chính	22		28.906.437.548	20.731.881.118	55.793.137.040	33.893.763.036	
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		21.599.069.489	18.168.225.963	33.730.525.580	26.319.262.038	
8 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		4.864.242.285	5.655.082.069	9.969.192.764	10.186.550.890	
9 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25		8.155.096.435	6.559.030.621	15.019.294.419	13.802.522.834	
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.022.507.399)	3.213.176.410	(5.500.475.749)	20.254.011.790	
30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 )							
11 - Thu nhập khác	31		316.331.009	659.363.586	27.990.908.659	659.616.387	
12 - Chi phí khác	32		58.269.843	255.326.070	17.024.302.105	258.866.548	
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31- 32 )	40		258.061.166	404.037.516	10.966.606.554	400.749.839	
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		(4.764.446.233)	3.617.213.926	5.466.130.805	20.654.761.629	
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(1.214.967.359)	441.976.740	1.188.099.697	2.571.670.203	
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52						
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51-52 )	60		(3.549.478.874)	3.175.237.186	4.278.031.108	18.083.091.426	
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(177)	159	214	904	



KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Trần Thị Thanh Hương*

*Wương Ngọc Sơn*

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Cao Minh Tuấn*

Trần Thị Thanh Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số : B03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
( Theo phương pháp trực tiếp )  
**QUÝ II NĂM 2011**

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			6 THÁNG NĂM 2011	6 THÁNG NĂM 2010
S	2	3	4	5
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		443.853.940.296	452.708.970.157
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(293.983.585.296)	(294.401.390.726)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(60.547.907.097)	(51.006.577.151)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(29.980.808.883)	(27.427.100.717)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(8.503.772.993)	(6.380.652.217)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		93.450.578.125	12.577.531.749
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(116.470.616.293)	(37.764.058.985)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>27.817.827.859</b>	<b>48.306.722.110</b>
<b>II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(275.987.525.953)	(256.704.272.905)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		30.772.235.000	
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(108.180.000)	
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			205.135.480
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.243.670.567	316.583.536
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(244.079.800.386)</b>	<b>(256.182.553.889)</b>
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		397.445.678.076	336.783.769.305
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(163.312.497.046)	(177.520.426.259)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.345.938.000)	(91.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>211.787.243.030</b>	<b>159.172.343.046</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.474.729.497)</b>	<b>(48.703.488.733)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>20.082.077.511</b>	<b>77.548.960.147</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		568.349.672	1.222.429.927
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>16.175.697.686</b>	<b>30.067.901.341</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Thanh Hương

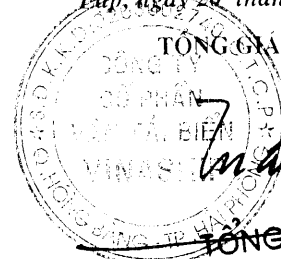
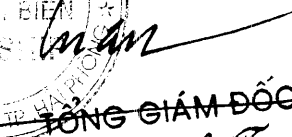
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Wương Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 7 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Cao Minh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

Mẫu số : 09a-DN

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **QUÝ II NĂM 2011**

#### **I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%**

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam  
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2011, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

XN xếp dỡ dịch vụ và vận tải tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/6/2011, Công ty tổng số cán bộ công nhân viên là 1023 người.

##### **2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển**

##### **3- Ngành nghề kinh doanh :**

- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý hàng hải, môi giới và thuê tàu;
- Đại lý vận tải, giao nhận thu gom hàng hoá;
- Kinh doanh kho bãi, khai thác cầu cảng, xếp dỡ hàng hoá;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Cho thuê văn phòng và kinh doanh khách sạn.

##### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý II năm 2011 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :**

Về nguồn hàng : Nguồn hàng vận tải thấp. Giá cước dao động ở mức thấp.

Về thị trường nguyên, nhiên, vật liệu đều biến động. Giá nhiên liệu tăng 20% so với năm 2010. Các chi phí đầu vào như vật tư, nguyên liệu, nhân công, sửa chữa và các dịch vụ... tăng làm cho giá thành vận tải tăng lên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

### **II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

**1- Kỳ kế toán năm :** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2011 bắt đầu từ ngày 01/04/2011 đến 30/06/2011.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

### **III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

**3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chung

### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua đến thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá hạch toán. Đối với nghiệp vụ liên quan đến thu nhập, chi phí, mua bán vật tư, hàng hoá, TSCĐ hàng tháng đơn vị ghi sổ theo tỷ giá xấp xỉ bình quân tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố của tháng đó. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá hạch toán thì phản ánh số chênh lệch lỗ vào chi phí tài chính, lãi vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại số dư các khoản tiền, các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày kết thúc quý, năm. Xử lý chênh lệch tỷ giá theo TT201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

#### **2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo CM kế toán số 02

#### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

#### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC – 30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

#### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay : Thực hiện theo chuẩn mục 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mục TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí hoạt động SXKD kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí SXKD.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà ( 2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2010 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2012.

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm : Cuối năm 2010, Công ty trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm bằng 1% tổng quỹ lương cấp bậc theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài Chính.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mục số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Theo chuẩn mục kế toán số 10 và thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Cuối kỳ kế toán tháng, chênh lệch giữa doanh thu và thu nhập trừ đi chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng , được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày cuối quý, năm.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo TT201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

**V- CÁC SỰ KIỆN GIAO DỊCH TRONG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011 :**

**1- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	6	2	3	5	6
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	0	64.244.999.415	7.681.887.070	38.890.392.628	310.817.279.113
Tăng năm trước						
- Lãi trong năm 2010					40.573.949.617	40.573.949.617
- Phân phối lợi nhuận năm 2010					(202.313.287)	(202.313.287)
- Phân phối lợi nhuận năm trước					(125.110.344)	(125.110.344)
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	64.244.999.415	7.681.887.070	79.136.918.614	351.063.805.099
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	64.244.999.415	7.681.887.070	79.136.918.614	351.063.805.099
Tăng năm nay						
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi 6 tháng năm 2011					4.278.031.108	4.278.031.108
- Phân phối lợi nhuận năm 2010			4.049.343.957	2.024.671.979	(8.098.841.825)	(2.024.825.889)
- Chia cổ tức năm 2010					(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.200.612				5.200.612
- Giảm khác						-
Số dư ngày 30/06/2011	200.000.000.000	5.200.612	68.294.343.372	9.706.559.049	55.316.107.897	333.322.210.930

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHI**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

2- Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

STT	Các hoạt động	Quý II năm 2011	6 tháng năm 2011	Quý II năm 2010	6 tháng năm 2010
1	<b>Vận tải biển</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	222.997.308.996	424.876.740.452	227.797.122.899	462.325.469.862
	- Chi phí	201.846.215.323	381.637.290.076	205.343.194.867	411.052.875.703
	- Lợi nhuận	21.151.093.673	43.239.450.376	22.453.928.032	51.272.594.159
2	<b>Hoạt động xếp dỡ giao nhận container</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.121.419.948	3.909.871.159	1.795.733.522	3.495.428.651
	- Chi phí	2.119.733.574	3.897.455.952	1.779.035.196	3.466.910.958
	- Lợi nhuận	1.686.374	12.415.207	16.698.326	28.517.693
3	<b>Hoạt động DV nâng hạ Container</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.802.172.811	9.893.857.327	3.068.906.979	5.931.775.345
	- Chi phí	4.980.786.924	8.419.358.880	2.637.860.033	5.145.131.381
	- Lợi nhuận	821.385.887	1.474.498.447	431.046.946	786.643.964
4	<b>Hoạt động Đại lý tàu biển</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.003.636	30.178.181	13.810.909	13.810.909
	- Chi phí		0	0	0
	- Lợi nhuận	15.003.636	30.178.181	13.810.909	13.810.909
5	<b>Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	29.722.079.819	52.009.546.632	16.913.327.111	29.912.537.284
	- Chi phí	29.414.687.739	51.566.940.719	17.127.465.398	30.107.959.296
	- Lợi nhuận	307.392.080	442.605.913	(214.138.287)	(195.422.012)
6	<b>Đại lý giao nhận, vận tải hàng lẻ</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		479.333.104		
	- Chi phí		508.801.722		
	- Lợi nhuận	-	(29.468.618)	0	0
7	<b>Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	400.479.120	874.888.102	350.999.892	803.454.330
	- Chi phí	5.664.000	27.244.000	30.214.559	173.269.629
	- Lợi nhuận	394.815.120	847.644.102	320.785.333	630.184.701
8	<b>Hoạt động thương mại</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	676.696.363	2.994.405.453	769.688.897	2.335.099.025
	- Chi phí	654.019.671	2.844.919.747	665.283.076	2.119.476.357
	- Lợi nhuận	22.676.692	149.485.706	104.405.821	215.622.668
9	<b>Hoạt động SXKD khác</b>				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	255.259.041	1.608.736.509	600.311.042	649.368.763
	- Chi phí	77.846.112	1.410.214.324	243.809.878	289.474.749
	- Lợi nhuận	177.412.929	198.522.185	356.501.164	359.894.014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHI**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

STT	Các hoạt động	Quý II năm 2011	6 tháng năm 2011	Quý II năm 2010	6 tháng năm 2010
10	<b>Hoạt động tài chính</b>				
	- Doanh thu tài chính	992.463.758	3.927.329.792	522.019.284	1.095.928.730
	- Chi phí tài chính	28.906.437.548	55.793.137.040	20.791.881.118	33.953.763.036
	- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(27.913.973.790)	(51.865.807.248)	(20.269.861.834)	(32.857.834.306)
11	<b>Hoạt động khác</b>				
	- Thu nhập hoạt động khác	316.331.009	27.990.908.659	659.363.586	659.616.387
	- Chi phí hoạt động khác	58.269.843	17.024.302.105	255.326.070	258.866.548
	- Lợi nhuận từ hoạt động khác	258.061.166	10.966.606.554	404.037.516	400.749.839

**3- Các thông tin khác phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán giữa niên độ :**

Ngày 11/7/2011 : Công ty đã bán và bàn giao tàu Hà giang cho bên mua

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Thanh Hương

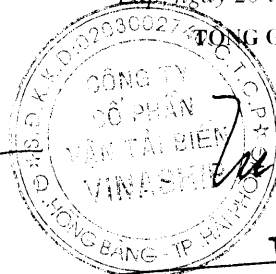
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vương Ngọc Sơn

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

-----\*\*\*-----

Số: **414** /CV-CBTT

V/v Giải trình KQSXKD quý II năm 2011

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----\*\*\*-----

Hải Phòng, ngày **25** tháng 7 năm 2011

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ quy định tại điểm 1.2.2, mục IV, Thông tư số 09/2010/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với doanh nghiệp niêm yết, Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship (Mã CK: VNA) xin được giải trình biến động kết quả kinh doanh quý II năm 2011 so với quý II năm 2010 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2011 : -3.549.478.874 đồng
- Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2010: 3.175.237.186 đồng

Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2011 giảm 211,78% so với lợi nhuận sau thuế quý II năm 2010 vì những lý do sau:

Hoạt động vận tải biển không có nhiều thay đổi, giá cước vận tải đường biển và nhu cầu vận chuyển hàng hoá không tăng cho nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý tăng không đáng kể so với cùng kỳ năm 2010 (quý II năm 2011 là 35.910.805.111 đồng, quý II năm 2010 là 35.697.150.934 đồng)

Tuy nhiên, chi phí hoạt động tài chính trong quý tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2010, chủ yếu là do chênh lệch tỷ giá và chi phí lãi vay tăng lên (đầu tư mua tàu).

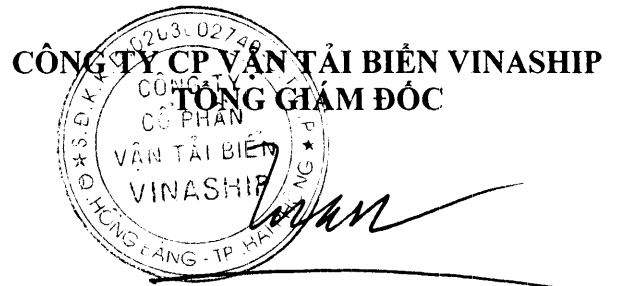
Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý đã tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, cùng với hai lý do trên đã khiến cho lợi nhuận sau thuế quý II năm 2011 giảm nhiều so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2010.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship kính trình Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Đầu tư Đối ngoại



**Cao Minh Tuấn**